

**Bản án số: 06/2018/HSST
Ngày 08 tháng 02 năm 2018**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Giáp Quang Huy.
- **Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Ngô Thanh Xuân; 2. Ông Phạm Đình Thìn.
- **Thư ký phiên toà:** Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đình Luyện - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 08/02/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 04/2018/HSST ngày 23/01/2018, đối với bị cáo:

- Họ và tên: Hà Văn D, sinh năm 1993.
- Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hóa: 9/12.
- Con ông: Hà Văn T, sinh năm 1970; Con bà: Bùi Thị H, sinh năm 1970 đều trú tại thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- Gia đình có 02 chị em, bản thân là thứ hai.
- Vợ: Bàn Thị K, sinh năm 1995 hiện ở thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Con: Có 01 con, sinh năm 2015.
- Tiền án, tiền sự: Không
- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2017. Hiện đang tạm giam tại: Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).
- **Người bị hại:** Anh Tạ Đình D1, sinh năm 1988 (vắng mặt tại phiên tòa).
Trú tại: Thôn C, huyện L, xã T, tỉnh Bắc Giang.
- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1980 (vắng mặt tại phiên tòa).
Trú tại: Số nhà 09, đường HQ, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hà Văn D sinh năm 1993, trú tại: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang là đối tượng nghiện ma túy Heroin từ năm 2009. Khoảng 19 giờ ngày 18/11/2017, D đến nhà anh Hà Văn T, sinh năm 1988 ở cùng thôn chơi. Tại nhà anh T, D gặp anh Tạ Đình D1, sinh năm 1988; anh Hoàng Văn C, sinh năm 1988; anh Hà Văn H, sinh năm 1992; anh Hà Văn H, sinh năm 1985 ở cùng thôn và một số người khác D không quen biết cũng đang chơi ở nhà anh T. Ngồi chơi uống nước khoảng một lúc, anh H đưa điện thoại cho D và nhờ D đi ra ngoài cổng nhà anh T để đón bạn giúp anh H. D cầm điện thoại đi ra cổng đón bạn hộ anh H nhưng không thấy nên D quay vào trong nhà trả điện thoại cho anh H. Lúc quay vào trong nhà, D quan sát thấy có 02 chiếc xe mô tô dựng ngoài sân ở nhà anh T. Do không có tiền mua ma túy và chi tiêu cá nhân nên D đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô Honda Wave α màu đen, biển kiểm soát 98M1-098.32 để ở vị trí dễ trộm cắp. Đó là chiếc xe mô tô của anh Tạ Đình D1 đi đến nhà anh T chơi để ở đó (xe đăng ký tên chị N Thị Luân là vợ anh D1). D vào trong nhà ngồi chơi đến khoảng 20 giờ cùng ngày, quan sát thấy mọi người ở trong nhà không ai để ý, D ra ngoài tiến lại gần chiếc xe mô tô của anh T rồi dùng hai tay luồn vào trong miếng ốp mặt nạ bên phải xe dứt dây khóa điện. Sau đó, D quay xe và dắt ra ngoài cổng khoảng 10m rồi nổ máy đi ra khu vực thị trấn Vôi tìm chỗ cầm cố. D điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp đi vào quán cầm đồ của anh N Thanh D3, sinh năm 1969 ở thôn N, thị trấn V, huyện L đặt vấn đề cầm cố xe. Do D bảo xe không có đăng ký nên anh D3 không nhận cầm cố. Tiếp đó, D đi xe xuống quán sửa chữa xe mô tô của anh Hoàng Văn H, sinh năm 1980 ở số 9, đường HQ, phường L, thành phố Bắc Giang đặt vấn đề bán xe. Anh H hỏi giấy tờ xe thì D nói là xe “nhảy” (theo H khai), anh H bảo không mua mà tìm khách bán hộ. Sau đó, D mượn một chiếc tô vít rồi điều khiển xe mô tô đi lên bờ đê Tiền Giang, phường L, thành phố Bắc Giang để cạy cốp xe thì thấy bên trong có đăng ký xe và giấy phép lái xe của chị Luân. D vất giấy phép lái xe đi rồi cầm đăng ký xe mô tô quay lại trả chiếc tô vít và bán xe cho anh H. Anh H thỏa thuận mua xe của D với giá 3.500.000đ nhưng đưa trước cho D 1.300.000đ. Đến trưa hôm sau D xuống lấy nốt số tiền 2.200.000đ. Toàn bộ số tiền bán xe trộm cắp D mua ma túy sử dụng và trả tiền ta xi hết.

Đối với anh Tạ Đình D1, sau khi phát hiện mất xe, ngày 29/11/2017, anh D1 làm đơn trình báo cơ quan Công an. Ngày 30/11/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạng Giang định giá theo Quyết định trưng cầu của Cơ quan CSĐT Công an huyện Lạng Giang, kết luận: 01 xe mô tô Honda Wave α màu đen, biển kiểm soát 98M1- 098.32 có giá 13.000.000đ. Cùng ngày 30/11/2017, Hà Văn D đến cơ quan Công an đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Cơ quan điều tra đã truy tìm giấy phép lái xe mà D đem vất ở bờ đê Tiền Giang nhưng không thu hồi được.

Ngày 04/12/2017, anh Hoàng Văn H tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an chiếc xe mô tô và đăng ký xe mà D trộm cắp đem đến bán.

Ngày 14/12/2017, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại tài sản cho anh Tạ Đình D1 01 xe mô tô Honda Wave α màu đen, biển kiểm soát 98M1- 098.32 và đăng ký xe. Anh D1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì khác.

Anh Hoàng Văn H yêu cầu D phải trả lại cho anh số tiền 3.500.000đ đã bỏ ra để mua xe mà D đem đến bán.

Tại cơ quan điều tra, Hà Văn D khai khi bán xe cho anh H, D nói rõ nguồn gốc xe đó là xe do trộm cắp mà có. Tuy nhiên, anh H không thừa nhận khi bán xe D đã nói đó là xe trộm cắp. Ngoài lời khai của D, cơ quan điều tra không còn tài liệu khác chứng minh hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có đối với Hà Văn H, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Hoàng Văn H.

Tại bản cáo trạng số: 05/KSĐT ngày 23/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã truy tố bị cáo Hà Văn D về tội " Trộm cắp tài sản " theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay; bị cáo Hà Văn D đã khai nhận rõ toàn bộ diễn biến, hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa; Tuy nhiên những người này đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án; Bị cáo và Đại diện Viện kiểm sát đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt người bị hại và người liên quan theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang trình bày quan điểm luận tội như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hà Văn D phạm tội " Trộm cắp tài sản ". Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999; Xử phạt bị cáo Hà Văn D từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2017; Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS năm 1999. Buộc bị cáo Hà Văn D phải bồi thường cho anh Hoàng Văn H số tiền 3.500.000đ; Ngoài ra còn đề nghị Tuyên về án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng; mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện cải tạo chờ thành người lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, Căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, HĐXX nhận định: Khoảng 20 giờ ngày 18/11/2017, tại nhà anh Hà Văn T ở thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, bị cáo Hà Văn D, sinh năm 1993 Trú tại: Thôn C, xã T, huyện L đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô Honda Wave α màu đen, biển kiểm soát 98M1-098.32, trị giá 13.000.000đ của anh Tạ Đình D1, sinh năm 1988 ở cùng thôn. Cơ

quan điều tra đã thu hồi được tài sản trả lại cho anh D1 và anh D1 không yêu cầu bồi thường gì.

- Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi mà bị cáo Hà Văn D thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Tài sản mà bị cáo trộm cắp có giá trị 13.000.000đ; Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang truy tố bị cáo Hà Văn D về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

- Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để quyết định mức hình phạt thì thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 BLHS năm 1999; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, nên cần áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình. Do bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có công việc làm và thu nhập gì, nên cần miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Tạ Đình D1 01 xe mô tô Honda Wave α màu đen, biển kiểm soát 98M1- 098.32 và đăng ký xe. Anh D1 không yêu cầu bồi thường gì khác nên HĐXX không đặt ra xem xét.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS năm 1999. Buộc bị cáo Hà Văn D phải bồi thường cho anh Hoàng Văn H số tiền 3.500.000đ là tiền bán xe cho anh H và bị cáo đã ăn tiêu hết.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hà Văn D, phạm tội Trộm cắp tài sản .
2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo Hà Văn D 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 30/11/2017; Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

3. Trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Buộc bị cáo Hà Văn D phải bồi thường cho anh Hoàng Văn H số tiền 3.500.000đồng.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Hà Văn D phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người liên quan;;
- VKS huyện Lạng Giang;
- THA huyện Lạng Giang;
- UBND xã T
- Lưu hồ sơ, Văn phòng..

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Giáp Quang Huy